ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 15 /2011/QĐ-UBND	*Vũng Tàu, ngày 04 tháng 03 năm 2011*

SỞ TƯ PHÁP T.BÀ RỊA-VŨNG TÀU
CÔNG VĂN ĐẾN
Số: 581
Ngày 09/3/2011

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 tại tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật của Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân ngày 03 tháng 12 năm 2004;

Căn cứ Thông tư số 14/2011/TT-BTC ngày 08 tháng 02 năm 2011 của Bộ Tài chính quy định việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XIII và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016;

Căn cứ công văn số 68/HĐND-VP ngày 01 tháng 3 năm 2011 của Hội đồng nhân dân Tỉnh, về việc ban hành chế độ chi và bổ sung kinh phí phục vụ bầu cử;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại tờ trình số 359/STC-HCVX ngày 03 tháng 3 năm 2011 về việc ban hành mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội và bầu cử Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay quy định mức chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân tại địa phương (cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã) cụ thể như sau:

1. Chi tổ chức hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Quyết định số 07/2011/QĐ-UBND ngày 15/02/2011 của UBND Tỉnh ban hành chế độ công tác phí, chế độ chi tổ chức các cuộc hội nghị đối với các cơ quan nhà nước và đơn vị sự nghiệp công lập trên địa bàn tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

2. Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc)cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; các chế độ chi khác (chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử; chi xây dựng văn bản; chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử).

(có bảng chi tiết đính kèm)

3. Các nội dung chi khác: Cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã thực hiện theo các quy định hiện hành, thanh toán theo các chứng từ chi hợp pháp trên cơ sở dự toán đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Điều 2. Nguồn kinh phí thực hiện: Chi từ ngân sách Trung ương hỗ trợ và bổ sung từ ngân sách địa phương.

Điều 3. Tổ chức thực hiện:

1. Giao trách nhiệm cho Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị lập, chấp hành dự toán và quyết toán kinh phí thực hiện chi phục vụ bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2011 – 2016 theo Thông tư số 14/2011/TT-BTC ngày 08/02/2011 của Bộ Tài chính và các quy định hiện hành.

2. Giao trách nhiệm cho Giám đốc Sở Tài chính thực hiện cấp phát và thanh, quyết toán theo quy định.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 5. Chánh Văn phòng UBND Tỉnh, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước tỉnh, Giám đốc Sở Nội vụ, Thủ trưởng các cơ quan chuyên môn thuộc UBND Tỉnh, Ban bầu cử các cấp, Chủ tịch UBND các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- Văn phòng Chính phủ (để báo cáo);
- Website Chính phủ;
- Đoàn Đại biểu Quốc hội tỉnh (để báo cáo);
- Bộ Tài chính (Vụ Pháp chế);
- Bộ Tư pháp (Cục Kiểm tra văn bản QPPL);
- TTr. Tỉnh ủy (để báo cáo);
- TTr. HĐND Tỉnh (để báo cáo);
- Ủy ban MTTQ tỉnh và các đoàn thể cấp tỉnh;
- Đài PTTH tỉnh; Báo Bà Rịa – Vũng Tàu;
- Trung tâm Công báo & tin học tỉnh;
- UBND các xã, phường, thị trấn thuộc tỉnh;
- Như điều 5;
- Lưu VT-TH. T2.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Hồ Văn Niên

Phụ lục chi tiết qui định mức chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử; các chế độ chi khác (chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử; chi xây dựng văn bản; chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử)

(Kèm theo Quyết định số 15 /2011/QĐ-UBND ngày 04/ 3 /2011 của UBND Tỉnh)

Đvt: đồng

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
I	**Chi bồi dưỡng các cuộc họp:**				
1	Các cuộc họp của Ủy ban bầu cử; các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử; Ủy ban MTTQ:				
1.1	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	200.000	160.000	140.000
1.2	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	100.000	80.000	70.000
1.3	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
2	Chi bồi dưỡng các cuộc họp khác liên quan đến công tác bầu cử:				
2.1	Chủ trì cuộc họp	đồng/người/buổi	150.000	120.000	105.000
2.2	Thành viên tham dự	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
2.3	Các đối tượng phục vụ	đồng/người/buổi	30.000	25.000	20.000
II	**Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử của Ủy ban bầu cử các cấp; Ủy ban MTTQ các cấp:**				
1	Trưởng đoàn giám sát	đồng/người/buổi	100.000	80.000	70.000
2	Thành viên chính thức của đoàn giám sát	đồng/người/buổi	70.000	55.000	50.000
3	Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn giám sát như sau:				
3.1	Phục vụ trực tiếp đoàn giám sát	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
3.2	Phục vụ gián tiếp đoàn giám sát (Lái xe, bảo vệ lãnh đạo)	đồng/người/buổi	30.000	25.000	20.000
4	Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:				
4.1	Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Ủy ban bầu cử	đồng/báo cáo	2.500.000	2.000.000	1.750.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
4.2	Chi tham gia ý kiến của Ủy ban bầu cử các cấp đối với báo cáo tổng hợp kết quả kiểm tra, giám sát (tối đa không quá 02 lần/báo cáo)	đồng/người/lần	200.000	160.000	140.000
4.3	Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo	đồng/báo cáo	600.000	480.000	420.000
III	**Chi xây dựng văn bản:**				
1	Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử		Thực hiện theo quy định tại Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ		
2	Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi điều chỉnh của Thông tư liên tịch số 192/2010/TTLT-BTC-BTP-VPCP ngày 02/12/2010 của Bộ Tài chính – Bộ Tư pháp – Văn phòng Chính phủ; liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn quốc do Ủy ban bầu cử, các Tiểu ban của Ủy ban bầu cử ban hành (kế hoạch, văn bản chỉ đạo, hướng dẫn, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử tại địa phương):				
2.1	Xây dựng văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý)	đồng/văn bản	2.000.000	1.600.000	1.400.000
2.2	Xin ý kiến tham gia văn bản (tối đa không quá 02 lần/văn bản)	đồng/người/lần	200.000	160.000	140.000
IV	**Chi bồi dưỡng, hỗ trợ (phương tiện, liên lạc) cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử**				
1	Chi bồi dưỡng tham gia phục vụ công tác bầu cử				
1.1	Bồi dưỡng theo mức khoán/tháng đối với các đối tượng sau (thời gian hưởng các chế độ bồi dưỡng theo thực tế nhưng tối đa không quá 05 tháng):				
	- Thường trực Ủy ban bầu cử, Thường trực các Tiểu ban và Thường trực Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.800.000	1.440.000	1.260.000

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi		
			Cấp tỉnh	Cấp huyện	Cấp xã
	- Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	1.500.000	1.200.000	1.050.000
1.2	Bồi dưỡng đối với các đối tượng được huy động, trưng tập trực tiếp phục vụ công tác bầu cử; không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân	đồng/người/ngày	70.000	55.000	50.000
1.3	Bồi dưỡng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử trong 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử)	đồng/người/ngày	100.000	80.000	70.000
2	Chi khoán hỗ trợ cước điện thoại di động (thời gian hỗ trợ cước điện thoại di động theo thực tế nhưng tối đa không quá 05 tháng):				
2.1	Thường trực Ủy ban bầu cử, Thường trực các Tiểu ban và Thường trực Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	300.000	240.000	210.000
2.2	Các thành viên Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử	đồng/người/tháng	200.000	160.000	140.000
V	**Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử**				
1	Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	70.000	55.000	50.000
2	Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	50.000	40.000	35.000
3	Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân	đồng/người/buổi	30.000	25.000	20.000